

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 31

0100
C
TRÁCH
DE
VI
20 NG

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Dũng	Chủ tịch
Ông Hà Huy Thắng	Ủy viên
Ông Trần Ngọc Châu	Ủy viên
Ông Huỳnh Đức Thông	Ủy viên
Ông Trần Kỳ Hạnh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Hà Huy Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Cung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Lai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Đức Thông	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

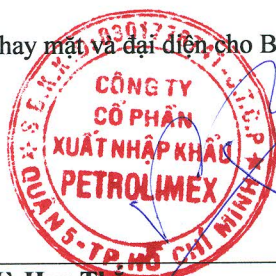
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hà Huy Thắng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016

Số: 687 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016, từ trang 04 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có một số hàng hóa tồn kho lâu ngày là sắt thép, tiêu nguyên liệu và tiêu bán thành phẩm với giá trị khoảng 91,7 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị thuần có thể thực hiện được của các mặt hàng này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 - "Hàng tồn kho" hay không.

Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho mặt hàng hạt nhựa với giá trị ước tính khoảng 9,4 tỷ đồng. Nếu Công ty hạch toán theo đúng các quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC, thì lỗ trước thuế từ hoạt động kinh doanh năm 2015 sẽ tăng thêm 9,4 tỷ đồng và khoản mục "Hàng tồn kho" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm đi một số tiền tương ứng.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Mạnh Hùng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2737-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		630.425.918.631	426.253.277.431
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	130.693.371.751	57.588.566.343
1. Tiền	111		130.693.371.751	36.488.566.343
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	21.100.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	130.000.000	130.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		410.000.000	410.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(280.000.000)	(280.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		190.007.172.772	98.279.618.012
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	152.185.753.153	82.196.194.414
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	20.999.052.526	11.586.036.678
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	18.763.680.989	6.763.918.192
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(2.266.531.272)	(2.266.531.272)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		325.217.376	-
IV. Hàng tồn kho	140	11	280.695.471.047	219.588.427.668
1. Hàng tồn kho	141		280.695.471.047	219.944.427.668
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(356.000.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		28.899.903.061	50.666.665.408
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		176.885.534	172.597.019
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23.554.598.518	45.239.298.595
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	5.168.419.009	5.254.769.794
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		116.273.711.517	139.155.759.061
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		33.410.257.501	46.535.257.501
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	8	-	13.125.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	33.410.257.501	33.410.257.501
II. Tài sản cố định	220		25.566.563.487	26.687.848.540
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	19.724.892.777	20.566.892.836
- Nguyên giá	222		39.967.966.700	36.755.236.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.243.073.923)	(16.188.343.864)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	5.841.670.710	6.120.955.704
- Nguyên giá	228		6.625.851.502	6.688.651.502
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(784.180.792)	(567.695.798)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		265.784.000	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		265.784.000	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	55.960.648.709	65.349.918.078
1. Đầu tư vào công ty con	251		135.000.000.000	135.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		9.919.922.558	9.919.922.558
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(88.959.273.849)	(79.570.004.480)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.070.457.820	582.734.942
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.070.457.820	582.734.942
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		746.699.630.148	565.409.036.492

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		561.201.249.295	373.754.528.931
I. Nợ ngắn hạn	310		561.201.249.295	373.754.528.931
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	31.880.644.394	75.537.116.301
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	11.273.982.124	9.413.422.347
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	600.419.452	316.036.230
4. Phải trả người lao động	314		5.284.005	4.954.540
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		396.813.946	207.905.676
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	3.988.724.328	1.786.709.737
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	512.949.891.566	286.309.494.620
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		105.489.480	178.889.480
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	19	185.498.380.853	191.654.507.561
I. Vốn chủ sở hữu	410		185.498.380.853	191.654.507.561
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		151.993.450.000	151.993.450.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		151.993.450.000	151.993.450.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		55.634.688.169	55.634.688.169
3. Cổ phiếu quỹ	415		(12.425.734.109)	(12.425.734.109)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.036.450.868	8.036.450.868
5. (Lỗ) lũy kế	421		(17.740.474.075)	(11.584.347.367)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(11.584.347.367)	(25.049.341.384)
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(6.156.126.708)	13.464.994.017
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		746.699.630.148	565.409.036.492


Trần Lê Phong
Người lập biểu


Lê Thúy Đào
Kế toán trưởngHà Huy Thắng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng	01	21	3.218.194.003.256	3.340.977.022.525
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	32.938.880	15.519.600
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	21	3.218.161.064.376	3.340.961.502.925
4. Giá vốn hàng bán	11	22	3.107.298.997.461	3.212.694.964.638
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		110.862.066.915	128.266.538.287
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	19.204.424.161	10.715.466.765
7. Chi phí tài chính	22	25	63.950.665.789	36.260.448.658
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.998.445.088	13.680.938.485
8. Chi phí bán hàng	25		58.893.662.737	73.097.640.296
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		13.480.852.711	15.925.912.494
10. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(6.258.690.161)	13.698.003.604
11. Thu nhập khác	31		271.732.555	179.768.540
12. Chi phí khác	32		169.169.102	412.778.127
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		102.563.453	(233.009.587)
14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(6.156.126.708)	13.464.994.017
15. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50)	60		(6.156.126.708)	13.464.994.017

Trần Lê Phong
Người lập biểu

Lê Thúy Đào
Kế toán trưởng

Hà Huy Thắng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016



Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01	(6.156.126.708)	13.464.994.017
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.382.842.401	3.861.241.157
Các khoản dự phòng	03	9.033.269.369	15.056.824.881
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	81.400.439	1.380.079.189
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(8.494.271.439)	(3.738.376.978)
Chi phí lãi vay	06	18.998.445.088	13.680.938.485
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	17.845.559.150	43.705.700.751
(Tăng) các khoản phải thu	09	(53.102.110.294)	(59.409.115.972)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(60.751.043.379)	(108.134.468.557)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(39.498.016.716)	14.427.907.649
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(344.611.393)	335.439.357
Tiền lãi vay đã trả	14	(18.727.936.818)	(13.872.926.887)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(73.400.000)	(247.230.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(154.651.559.450)	(123.194.693.659)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.887.290.454)	(1.570.308.509)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	28.322.360	-
3. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	3.112.734
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.150.933.090	4.371.690.803
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.291.964.996	2.804.495.028
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.326.900.898.221	2.253.696.693.062
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.100.260.501.275)	(2.217.399.537.957)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(800.235)	(9.623.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	226.639.596.711	36.287.531.905
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	73.280.002.257	(84.102.666.726)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	57.588.566.343	141.699.204.177
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(175.196.849)	(7.971.108)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	130.693.371.751	57.588.566.343

Trần Lê Phong

Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016

Lê Thúy Đào

Kế toán trưởng

Hà Huy Thắng

Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002720 cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PIT.

Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam nắm giữ 52,67% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 90 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 85).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng nông - lâm - thủy - hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng;
- Mua bán, sản xuất, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, quặng kim loại, kim loại màu; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (không sản xuất tại trụ sở);
- Kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu; Kinh doanh vận tải xăng dầu;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu; Mua bán sản phẩm hóa dầu (trừ gas);
- Đại lý, sản xuất, gia công, chế biến hàng hóa xuất nhập khẩu (trừ chế biến thực phẩm tươi sống, tái chế nhựa, kim loại phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí);
- Kinh doanh, đầu tư cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- ...

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 02 công ty con. Thông tin khái quát về các công ty con của Công ty như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Hồ Chí Minh	100%	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, matit (không phải sản xuất tại trụ sở); Bán buôn sơn, vecni, bán lẻ sơn, màu, vecni trong các cửa hàng chuyên doanh...
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	Hà Nội	100%	Mua bán, xuất nhập khẩu hàng nông-lâm-thủy-hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng; Mua bán, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu; Đại lý, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu. ...

Công ty có 01 chi nhánh là Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên tại số 577/E, tổ 5, ấp 3, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng đồng thời lập báo cáo tài chính hợp nhất, bao gồm báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con trong một báo cáo khác.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC, Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành và các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	2015
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao. Các phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính là từ 3 đến 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty trong thời gian không quá 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản lỗ lũy kế là khoảng 17,7 tỷ đồng, có thể kết chuyển để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của các năm tiếp theo. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan do không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	102.396.144	502.635.782
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	130.590.975.607	35.985.930.561
Các khoản tương đương tiền	-	21.100.000.000
	130.693.371.751	57.588.566.343

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a. Chứng khoán kinh doanh				
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Âu Lạc	410.000.000	280.000.000	410.000.000	280.000.000
	410.000.000	280.000.000	410.000.000	280.000.000
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
b1) Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH Một Thành viên Sơn Petrolimex	120.000.000.000	88.959.273.849	120.000.000.000	79.570.004.480
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
	135.000.000.000	88.959.273.849	135.000.000.000	79.570.004.480
b2) Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh	6.300.000.000	-	6.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	3.619.922.558	-	3.619.922.558	-
	9.919.922.558	-	9.919.922.558	-

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư vào công ty con và các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do thiếu thông tin về giá tham chiếu trên thị trường nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Khách hàng trong nước	51.133.298.596	32.599.962.434
Công ty TNHH MTV Huyền Trang	13.806.000.000	-
Công ty Cổ phần Sắt thép Đông Á	9.603.272.918	6.628.979.762
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	6.723.006.362	2.842.471.668
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Á Châu	4.347.456.023	-
Các khách hàng trong nước khác	16.653.563.293	23.128.511.004
Khách hàng nước ngoài	89.742.221.515	46.295.037.977
Công ty Sa Rawther Spices	20.663.200.000	-
Công ty Conagra Foods - Food Ingredients Dba Spicetec	15.411.776.865	-
Công ty Ramon Sabater S.A.U	7.524.100.000	-
Công ty Frutex Autralia	6.881.744.000	-
Công ty Private Enterprise "Sps"	4.222.798.932	-
Công ty Qingdao International Rubber Exchange Market	-	6.392.671.806
Công ty Schiff Food Products	-	5.759.215.000
Công ty Chesapeake Spice	-	5.689.762.500
Các khách hàng nước ngoài khác	35.038.601.718	28.453.388.671
Phải thu ngắn hạn khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	11.310.233.042	3.301.194.003
	152.185.753.153	82.196.194.414

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.309.761.422	9.345.868.520
Công ty Brand Building Consulting LLC	1.642.600.000	-
Công ty TNHH MTV Huyền Trang	-	4.533.174.532
Doanh nghiệp tư nhân Tiến Phát	-	2.345.360.000
Các đối tượng khác	3.667.161.422	2.467.333.988
Trả trước ngắn hạn cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	15.689.291.104	2.240.168.158
	20.999.052.526	11.586.036.678
Trả trước cho người bán dài hạn		
Trả trước dài hạn cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	-	13.125.000.000
	-	13.125.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***9. PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>(Trình bày lại)</u>
		<u>VND</u>
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	8.800.000.000	-
Tạm ứng	5.316.413.297	5.349.993.103
Phải thu Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	3.930.276.296	616.257.655
Phải thu về lãi trả chậm theo hợp đồng	331.235.902	331.235.902
Phải thu khác	385.755.494	466.431.532
	18.763.680.989	6.763.918.192
b. Phải thu dài hạn khác		
Phải thu Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (i)	33.410.257.501	33.410.257.501
	33.410.257.501	33.410.257.501

- (i) Khoản phải thu dài hạn khác phản ánh khoản phải thu Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex - Công ty con của Công ty, bao gồm gốc và lãi của khoản vay dài hạn mà Công ty đã trả hộ cho Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex trong năm 2014. Công ty đã cam kết không thu hồi lại trong khoảng thời gian 3 năm kể từ ngày thanh toán.

10. NỢ XẤU

	<u>31/12/2015</u>			<u>31/12/2014</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Thời gian quá hạn</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>		<u>VND</u>	<u>VND</u>	
Tổng giá trị các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi						
Công ty Cổ phần Thép Mới	2.360.286.431	790.155.159	Trên 3 năm	2.101.086.431	530.955.159	Trên 3 năm
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Diễm Thành	696.400.000	-	Trên 3 năm	696.400.000	-	Trên 3 năm
	3.056.686.431	790.155.159		2.797.486.431	530.955.159	

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc các khoản phải thu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	24.103.488.227	-	7.015.120.569	-
Nguyên liệu, vật liệu	13.247.377.911	-	4.286.123.405	-
Công cụ, dụng cụ	202.383.818	-	203.065.008	-
Thành phẩm	30.991.724.697	-	1.749.017.531	-
Hàng hoá	210.840.041.174	-	202.168.620.935	356.000.000
Hàng hóa bất động sản	1.310.455.220	-	1.310.455.220	-
Hàng gửi bán	-	-	3.212.025.000	-
Cộng	280.695.471.047	-	219.944.427.668	356.000.000

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 356.000.000 đồng do Công ty đã bán lô hàng cao su được trích lập dự phòng cuối năm trước.

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	13.972.261.355	18.864.847.863	3.155.703.977	762.423.505	36.755.236.700
Tăng trong năm	2.618.700.000	671.500.000	-	52.760.000	3.342.960.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(130.230.000)	-	-	(130.230.000)
Tại ngày 31/12/2015	16.590.961.355	19.406.117.863	3.155.703.977	815.183.505	39.967.966.700
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	8.423.483.768	4.840.006.010	2.389.828.307	535.025.779	16.188.343.864
Trích khấu hao trong năm	1.592.632.705	2.150.098.045	268.393.859	109.712.798	4.120.837.407
Thanh lý, nhượng bán	-	(66.107.348)	-	-	(66.107.348)
Tại ngày 31/12/2015	10.016.116.473	6.923.996.707	2.658.222.166	644.738.577	20.243.073.923
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	6.574.844.882	12.482.121.156	497.481.811	170.444.928	19.724.892.777
Tại ngày 31/12/2014	5.548.777.587	14.024.841.853	765.875.670	227.397.726	20.566.892.836

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 4.140.847.128 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 2.760.210.391 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp nhà văn phòng và nhà kho tại Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.735.602.906 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 2.598.017.826 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng cộng
	VND	máy tính	VND
		VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	5.771.373.002	917.278.500	6.688.651.502
Tăng trong năm	-	65.000.000	65.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(127.800.000)	(127.800.000)
Tại ngày 31/12/2015	5.771.373.002	854.478.500	6.625.851.502
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	-	567.695.798	567.695.798
Trích khấu hao trong năm	174.949.458	87.055.536	262.004.994
Thanh lý, nhượng bán	-	(45.520.000)	(45.520.000)
Tại ngày 31/12/2015	174.949.458	609.231.334	784.180.792
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	5.596.423.544	245.247.166	5.841.670.710
Tại ngày 31/12/2014	5.771.373.002	349.582.702	6.120.955.704

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 419.017.500 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 419.017.500 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn tại Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.205.192.140 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.205.192.140 đồng).

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	31/12/2014	Phát sinh trong năm		31/12/2015
		Số phải nộp	Số đã thực nộp	
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	813.968.218	18.182.481.074	18.092.944.857	724.432.001
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	813.968.218	18.182.481.074	18.092.944.857	724.432.001
Thuế tiêu thụ đặc biệt	79.973.882	263	-	79.973.619
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.270.207.527	-	-	4.270.207.527
Các loại thuế khác	90.620.167	331.889.596	335.075.291	93.805.862
Thuế thu nhập cá nhân	90.620.167	331.889.596	335.075.291	93.805.862
Cộng	5.254.769.794	18.514.370.933	18.428.020.148	5.168.419.009
b) Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	286.472.588	1.126.002.607	1.312.537.234	99.937.961
- Thuế GTGT đầu ra	286.472.588	1.126.002.607	1.312.537.234	99.937.961
Thuế nhập khẩu	29.419.842	3.545.713.487	3.075.210.838	499.922.491
Các loại thuế khác	143.800	2.828.825.939	2.828.410.739	559.000
Thuế thu nhập cá nhân	143.800	11.517.520	11.102.320	559.000
Thuế khác	-	2.817.308.419	2.817.308.419	-
Cộng	316.036.230	7.500.542.033	7.216.158.811	600.419.452

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Số có khả năng		Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	31.225.199.010	31.225.199.010	75.061.371.176	75.061.371.176
Công ty TNHH MTV Huyền Trang	10.683.450.468	10.683.450.468	-	-
Công ty Emistee Fze	5.398.942.823	5.398.942.823	-	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	3.970.611.330	3.970.611.330	3.379.862.240	3.379.862.240
Công ty Intexport Steel	3.183.457.950	3.183.457.950	-	-
Công ty D&S GLOBAL LIMITED	2.467.322.617	2.467.322.617	-	-
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty 28	795.620.000	795.620.000	2.178.230.200	2.178.230.200
Công ty Bahru Stainless SDN BHD	-	-	56.889.683.267	56.889.683.267
Công ty Acerinox SC Malaysia SDN BHD	-	-	5.096.172.284	5.096.172.284
Công ty Acerinox Europa	-	-	2.470.594.248	2.470.594.248
Các nhà cung cấp khác	4.725.793.822	4.725.793.822	5.046.828.937	5.046.828.937
Phải trả người bán là các bên liên quan	655.445.384	655.445.384	475.745.125	475.745.125
(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)				
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
	31.880.644.394	31.880.644.394	75.537.116.301	75.537.116.301

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty Unistel, công ty con của CDS Monarch	3.305.827.844	-
Doanh nghiệp tư nhân Thương mại và Dịch vụ Phúc Nhật Tiến	1.563.277.088	459.433.105
Công ty TNHH Thép không gỉ Vĩnh Phát	1.132.364.494	842.000.000
Công ty Jofont Biotechnology	-	3.184.163.340
Công ty Sarl Blanco Impex	-	1.083.615.069
Các đối tượng khác	5.272.512.698	3.844.210.833
	11.273.982.124	9.413.422.347

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a. Các khoản phải trả khác ngắn hạn		
Tạm giữ tiền của nhân viên kinh doanh	1.472.100.000	-
Khách hàng đặt cọc mua nhà	1.000.000.000	1.000.000.000
Cổ tức phải trả	523.688.015	524.488.250
Phải trả khác	491.218.739	262.221.487
b. Các khoản phải trả ngắn hạn các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	501.717.574	-
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
	3.988.724.328	1.786.709.737

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
		VND				VND
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn (i)	125.552.930.494	125.552.930.494	842.640.495.635	639.741.685.709	328.451.740.420	328.451.740.420
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (ii)	114.145.858.766	114.145.858.766	1.170.566.852.981	1.164.541.884.087	120.170.827.660	120.170.827.660
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (iii)	46.610.705.360	46.610.705.360	776.658.819.960	784.081.752.101	39.187.773.219	39.187.773.219
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (iv)	-	-	537.034.729.645	511.895.179.378	25.139.550.267	25.139.550.267
Cộng	286.309.494.620	286.309.494.620	3.326.900.898.221	3.100.260.501.275	512.949.891.566	512.949.891.566

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 441.0151/2015/HĐTDHM-DN/PGB.SG ngày 22 tháng 10 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 450 tỷ đồng, có thời hạn từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 22 tháng 10 năm 2016. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 03/CV-0108/KH/13NH ngày 04 tháng 5 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 325 tỷ đồng, có hiệu lực đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2016. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 dùng để đảm bảo cho khoản tiền vay ngắn hạn trên bao gồm:
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn và tài sản gắn liền với đất bao gồm nhà văn phòng và nhà kho Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 6, xã Hội Nghĩa, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
 - Quyền sử dụng đất với diện tích khoảng 12.400 m², tài sản gắn liền với đất và máy móc, thiết bị sản xuất sơn của Công ty TNHH Một thành viên Sơn Petrolimex, công ty con của Công ty tại thửa đất số 231, tờ bản đồ số 27, khu Công nghiệp Vietship II, xã Hòa Phú, huyện Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- (iii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 183/03/2015-HĐTDHM/NHCT900-PITCO ngày 13 tháng 8 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 300 tỷ đồng, có thời hạn từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 10 tháng 5 năm 2016. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay không có tài sản đảm bảo, áp dụng biện pháp bảo đảm bổ sung là hàng tồn kho luân chuyển và quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế có nguồn gốc từ khoản vay với giá trị tại mọi thời điểm không thấp hơn số dư tín dụng cấp cho Công ty.
- (iv) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 158/2015/6889016/HĐTD ngày 03 tháng 3 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 300 tỷ đồng, có thời hạn từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2016. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	(Lỗ) lũy kế	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	128.314.550.000	79.313.588.169	(12.425.734.109)	180.315.826	7.856.135.042	(22.772.657.934)	180.466.196.994
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	13.464.994.017	13.464.994.017
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	23.678.900.000	(23.678.900.000)	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(2.276.683.450)	(2.276.683.450)
Tại ngày 31/12/2014	151.993.450.000	55.634.688.169	(12.425.734.109)	180.315.826	7.856.135.042	(11.584.347.367)	191.654.507.561
Trình bày lại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC	-	-	-	7.856.135.042	(7.856.135.042)	-	-
Tại ngày 01/01/2015 (Trình bày lại)	151.993.450.000	55.634.688.169	(12.425.734.109)	8.036.450.868	-	(11.584.347.367)	191.654.507.561
(Lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	(6.156.126.708)	(6.156.126.708)
Tại ngày 31/12/2015	151.993.450.000	55.634.688.169	(12.425.734.109)	8.036.450.868	-	(17.740.474.075)	185.498.380.853

Cổ phiếu:

	Đơn vị	31/12/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	Cổ phần	15.199.345	15.199.345
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>Cổ phần</i>	<i>15.199.345</i>	<i>15.199.345</i>
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	Cổ phần	989.120	989.120
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>Cổ phần</i>	<i>989.120</i>	<i>989.120</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	Cổ phần	14.210.225	14.210.225
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>Cổ phần</i>	<i>14.210.225</i>	<i>14.210.225</i>
Mệnh giá mỗi cổ phần	VND	10.000	10.000

Chi tiết vốn điều lệ đã góp của các cổ đông như sau:

	Tỷ lệ	Vốn góp tại ngày 31/12/2015 VND	Vốn góp tại ngày 31/12/2014 VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	52,67%	80.056.110.000	80.056.110.000
Các cổ đông khác	47,33%	71.937.340.000	71.937.340.000
	100%	151.993.450.000	151.993.450.000

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị	31/12/2015	31/12/2014
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	VND	-	3.305.581.500
Nợ khó đòi đã xử lý	VND	4.851.384.265	4.851.384.265
Ngoại tệ các loại			
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	USD	5.383.406	1.281.197
<i>Euro (EUR)</i>	EUR	662	5.620

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***21. DOANH THU BÁN HÀNG**

	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng xuất khẩu	2.310.122.232.234	2.587.474.111.978
Doanh thu bán hàng nội địa	908.071.771.022	753.502.910.547
	3.218.194.003.256	3.340.977.022.525
Các khoản giảm trừ doanh thu		
a. Giảm giá hàng bán	32.938.880	11.688.000
b. Hàng bán bị trả lại	-	3.831.600
	32.938.880	15.519.600
Doanh thu thuần về bán hàng	3.218.161.064.376	3.340.961.502.925
Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	122.002.149.443	12.130.017.469

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2015	2014
	VND	VND
Giá vốn bán hàng xuất khẩu	2.231.111.971.506	2.501.583.216.180
Giá vốn bán hàng nội địa	876.187.025.955	711.111.748.458
	3.107.298.997.461	3.212.694.964.638

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	761.029.318	748.860.525
Chi phí nhân công	15.584.449.037	16.315.400.085
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.382.842.401	3.861.241.157
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.882.967.354	72.957.264.280
Chi phí khác bằng tiền	651.022.704	2.553.579.926
	80.262.310.814	96.436.345.973

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.077.634.488	1.650.369.700
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.929.805.603	2.088.007.278
Lãi chênh lệch tỷ giá	10.739.471.126	6.499.103.215
Lãi trả chậm	4.457.511.640	476.253.216
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.304	1.733.356
	19.204.424.161	10.715.466.765

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	18.998.445.088	13.680.938.485
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	9.389.269.369	13.272.493.609
Lỗ chênh lệch tỷ giá	35.562.236.880	9.282.325.079
Chi phí tài chính khác	714.452	24.691.485
	63.950.665.789	36.260.448.658

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	(6.156.126.708)	13.464.994.017
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ:	2.431.523.177	2.088.007.278
Thu nhập không chịu thuế	2.431.523.177	2.088.007.278
Cộng:	850.697.479	(11.376.986.739)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	850.697.479	234.000.000
Chuyển lỗ	-	(11.610.986.739)
Tổng thu nhập chịu thuế	(7.736.952.406)	-
Thuế suất thông thường	22%	22%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

27. CÁC CAM KẾT KHÁC

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có thực hiện bảo lãnh vay vốn cho các khoản vay của các công ty con tại một số ngân hàng. Cụ thể như sau:

- Chứng thư bảo lãnh vay vốn số 931/2015/PITCO-CV ngày 09 tháng 11 năm 2015 trị giá 25 tỷ đồng cho khoản vay ngắn hạn của Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex, Công ty con của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.
- Chứng thư bảo lãnh vay vốn số 930/2015/PITCO-CV ngày 09 tháng 11 năm 2015 trị giá 5 tỷ đồng cho khoản vay ngắn hạn của Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex, Công ty con của Công ty tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn.
- Chứng thư bảo lãnh vay vốn trị giá 60 tỷ đồng cho khoản vay ngắn hạn của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội, Công ty con của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lỗ lũy kế).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	512.949.891.566	286.309.494.620
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	130.693.371.751	57.588.566.343
Nợ thuần	382.256.519.815	228.720.928.277
Vốn chủ sở hữu	185.498.380.853	191.654.507.561
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	2,06	1,19

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	130.693.371.751	57.588.566.343
Đầu tư tài chính	10.049.922.558	10.049.922.558
Phải thu khách hàng và phải thu khác	196.612.528.204	114.519.281.310
Tổng cộng	337.355.822.513	182.157.770.211
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	35.649.835.206	77.318.507.580
Chi phí phải trả	396.813.946	207.905.676
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	512.949.891.566	286.309.494.620
Tổng cộng	548.996.540.718	363.835.907.876

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất hay rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	73.019.730	353.138.509.371	210.646.380.425	73.674.233.682

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam thay đổi 10% so với đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng ngoại tệ dưới đây so với đồng Việt Nam tăng 10% thì (lỗ) trước thuế trong năm của Công ty sẽ bị giảm/(tăng) như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	21.057.336.070	(27.946.427.569)

Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và có biện pháp phù hợp để phòng ngừa các rủi ro nêu trên.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên theo dõi diễn biến của thị trường để xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty khác. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào các công ty như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng liên quan đến khoản phải thu quá hạn thanh toán khoảng 35,9 tỷ đồng. Trong đó, giá trị dự phòng phải thu quá hạn thanh toán đã trích lập là khoảng 2,3 tỷ đồng. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và cho rằng các khoản phải thu quá hạn còn lại nêu trên có thể thu hồi được trong tương lai gần và khách hàng đã có tài sản dùng để đảm bảo thanh toán cho các khoản phải thu với giá trị cao hơn số Công ty phải thu.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	130.693.371.751	-	130.693.371.751
Đầu tư tài chính	130.000.000	9.919.922.558	10.049.922.558
Phải thu khách hàng và phải thu khác	163.202.270.703	33.410.257.501	196.612.528.204
Tổng cộng	294.025.642.454	43.330.180.059	337.355.822.513
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả người bán và phải trả khác	35.649.835.206	-	35.649.835.206
Chi phí phải trả	396.813.946	-	396.813.946
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	512.949.891.566	-	512.949.891.566
Tổng cộng	548.996.540.718	-	548.996.540.718
Chênh lệch thanh khoản thuần	(254.970.898.264)	43.330.180.059	(211.640.718.205)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

31/12/2014 (Trình bày lại)	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Trên 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.588.566.343	-	57.588.566.343
Đầu tư tài chính	130.000.000	9.919.922.558	10.049.922.558
Phải thu khách hàng và phải thu khác	81.109.023.809	33.410.257.501	114.519.281.310
Tổng cộng	138.827.590.152	43.330.180.059	182.157.770.211
	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Trên 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
Phải trả người bán và phải trả khác	77.318.507.580	-	77.318.507.580
Chi phí phải trả	207.905.676	-	207.905.676
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	286.309.494.620		286.309.494.620
Tổng cộng	363.835.907.876	-	363.835.907.876
Chênh lệch thanh khoản thuần	(225.008.317.724)	43.330.180.059	(181.678.137.665)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, mặc dù số dư tài sản tài chính thấp hơn đáng kể so với công nợ tài chính, nhưng khả năng thanh toán của Công ty vẫn được đảm bảo do tài sản ngắn hạn lớn hơn công nợ ngắn hạn khoảng 69,2 tỷ đồng và hệ số thanh toán hiện hành của Công ty là 1,1. Ban Giám đốc cũng đã có kế hoạch mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh với mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận cho hoạt động của Công ty; đồng thời, các bên cho vay vốn ngắn hạn của Công ty là các ngân hàng thương mại sẽ tiếp tục hỗ trợ Công ty về tài chính để thanh toán các khoản nợ đến hạn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, hạn mức tín dụng còn lại của các Hợp đồng vay vốn ngân hàng là khoảng 580 tỷ đồng). Theo đó Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

Các bên liên quan	Mối quan hệ	2015 VND	2014 VND
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	69.195.652.611	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	Công ty con	52.801.486.314	12.130.017.469
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực II	Thành viên của Petrolimex	5.010.518	-
		122.002.149.443	12.130.017.469
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	56.537.394.001	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	Công ty con	49.654.327.709	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực II	Thành viên của Petrolimex	16.912.494.709	60.500.771.663
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực V	Thành viên của Petrolimex	11.269.099.771	32.904.677.570
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	Thành viên của Petrolimex	8.405.305.990	33.200.679.960
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Thành viên của Petrolimex	3.197.571.490	1.542.119.240
Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO Sài Gòn	Thành viên của Petrolimex	-	887.607.492
Công ty Xăng dầu Khu vực II - Xí nghiệp Bán lẻ	Thành viên của Petrolimex	-	445.900.962
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Thành viên của Petrolimex	-	8.594.398
		145.976.193.670	129.490.351.285
Lãi trả chậm			
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	4.457.511.640	429.451.650
		4.457.511.640	429.451.650
Lợi nhuận được chia			
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	Công ty con	1.378.659.011	1.700.089.980
		1.378.659.011	1.700.089.980
Thu nhập của Ban Giám đốc		1.501.709.156	1.631.147.075

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:*

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2015</u> <u>VND</u>	<u>31/12/2014</u> <u>VND</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	11.293.175.474	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	Công ty con	11.545.998	3.301.194.003
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực II	Thành viên của Petrolimex	5.511.570	-
		11.310.233.042	3.301.194.003
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	15.614.709.671	1.352.400.000
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực II	Thành viên của Petrolimex	52.132.304	887.768.158
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn	Thành viên của Petrolimex	22.449.129	-
		15.689.291.104	2.240.168.158
Trả trước cho người bán dài hạn			
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	-	13.125.000.000
		-	13.125.000.000
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	3.930.276.296	616.257.655
		3.930.276.296	616.257.655
Phải thu dài hạn khác			
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	33.410.257.501	33.410.257.501
		33.410.257.501	33.410.257.501
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực V	Thành viên của Petrolimex	655.445.384	388.677.014
Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO Sài Gòn	Thành viên của Petrolimex	-	52.900.025
Công ty Xăng dầu Khu vực II - Xí nghiệp Bán lẻ	Thành viên của Petrolimex	-	33.504.100
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Thành viên của Petrolimex	-	663.986
		655.445.384	475.745.125

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán và đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 để phù hợp với số liệu của năm nay. Chi tiết như sau:

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC		Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC		Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Mã số	31/12/2014
VND				
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
I. Tài sản				
1. Tài sản				
1. Đầu tư ngắn hạn	121	410.000.000	121	410.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	(280.000.000)	122	(280.000.000)
3. Phải thu khách hàng	131	82.196.194.414	131	82.196.194.414
4. Trả trước cho người bán	132	24.711.036.678	132	11.586.036.678
5. Các khoản phải thu khác	135	1.407.625.089	136	6.763.918.192
6. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.356.293.103	155	6.763.918.192
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>				
7. Đầu tư dài hạn khác	258	9.919.922.558	253	9.919.922.558
8. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(79.570.004.480)	254	(79.570.004.480)
II. Nợ phải trả				
1. Nợ phải trả				
1. Phải trả người bán	312	75.537.116.301	311	75.537.116.301
2. Người mua trả tiền trước	313	9.413.422.347	312	9.413.422.347
3. Chi phí phải trả	316	207.905.676	315	207.905.676
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	1.786.709.737	319	1.786.709.737
5. Vay ngắn hạn	311	286.309.494.620	320	286.309.494.620
II. Nợ phải trả				
1. Phải trả người bán	312	75.537.116.301	311	75.537.116.301
2. Người mua trả tiền trước	313	9.413.422.347	312	9.413.422.347
3. Chi phí phải trả	316	207.905.676	315	207.905.676
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	1.786.709.737	319	1.786.709.737
5. Vay ngắn hạn	311	286.309.494.620	320	286.309.494.620

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC		Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC		Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Mã số	31/12/2014
VND				
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
III. Vốn chủ sở hữu				
1. Vốn điều lệ	411	151.993.450.000	411	151.993.450.000
Không có chỉ tiêu tương ứng			411a	151.993.450.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	180.315.826	418	8.036.450.868
				Trình bày lại và thay đổi mã số
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	7.856.135.042	421	(11.584.347.367)
4. (Lỗ) lũy kế	420	(11.584.347.367)	421a	(25.049.341.384)
Không có chỉ tiêu tương ứng			421b	13.464.994.017
Không có chỉ tiêu tương ứng				



Trần Lê Phong
Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2016



Lê Thúy Đào
Kế toán trưởng



Hà Huy Thắng
Tổng Giám đốc

